

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BÊ TÔNG BIÊN HÒA
VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BÊ TÔNG BIÊN HÒA
VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Đường 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 33

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Đường số 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bê Tông Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Huỳnh Tấn Trí	Chủ tịch
Ông Trần Chí Hiếu	Thành viên
Ông Hồ Đình Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Khoa	Thành viên
Ông Mai Duy Thắng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Trưởng ban
Ông Tạ Quang Thanh	Thành viên
Ông Lê Thế Dân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Chí Hiếu	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Nhật Tiến	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Đường số 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong Báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

CAM KẾT CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ

Tập đoàn có khoản lỗ tích lũy đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 75,22 tỷ đồng vượt quá vốn điều lệ là 27,46 tỷ đồng, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 109,77 tỷ đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn phụ thuộc hoạt động kinh doanh có lãi, việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư trong tương lai và gia hạn các khoản vay đến hạn từ ngân hàng. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn tin rằng các chủ đầu tư và ngân hàng sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động cũng như gia hạn nợ cho Tập đoàn trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm vẫn được soạn thảo trên cơ sở giả định Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Trần Chí Hiếu
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Số: 17.193HN/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bê Tông Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 20 tháng 03 năm 2017 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)***Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ*****1. Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Đến ngày 31/12/2016, Tập đoàn chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu với tổng số tiền ước tính là 20,42 tỷ đồng, chi tiết như sau:

- Dự phòng nợ phải thu khách hàng với số tiền ước tính là 18,36 tỷ đồng;
- Dự phòng các khoản trả trước cho người bán không có khả năng thu hồi với số tiền ước tính là 0,36 tỷ đồng;
- Dự phòng các khoản tạm ứng của nhân viên đã nghỉ việc với số tiền ước tính là 1,7 tỷ đồng.

Như vậy, nếu các khoản dự phòng phải thu nêu trên được ghi nhận đầy đủ theo quy định hiện hành vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thì chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" (Mã số 137) sẽ tăng là 20,42 tỷ đồng và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31/12/2016 sẽ giảm đi 20,42 tỷ đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2016, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" (Mã số 26) sẽ tăng là 20,42 tỷ đồng và chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" (Mã số 50) sẽ giảm đi một khoản tương ứng là 20,42 tỷ đồng.

2. Khấu hao tài sản cố định

Trên cơ sở áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình, Tập đoàn đang ghi nhận thiếu chi phí khấu hao lũy kế đến ngày 31/12/2016 với số tiền ước tính là 2,47 tỷ đồng. Nếu Tập đoàn ghi nhận đầy đủ chi phí khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng thì chỉ tiêu "Giá trị hao mòn lũy kế" (Mã số 223) sẽ tăng lên 2,47 tỷ đồng và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước" (Mã số 421a) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016 sẽ giảm đi một khoản tương ứng 2,47 tỷ đồng.

3. Tài sản thuế hoãn lại

Ngoài ra, như đã trình bày tại thuyết minh mục 5.8, Tập đoàn có khoản tài sản thuế hoãn lại tương ứng với khoản lỗ năm 2012 là 6,49 tỷ đồng với thời hạn chuyển lỗ cuối cùng là năm 2017. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về khả năng có lãi trong năm 2017 để sử dụng khoản tài sản thuế hoãn lại nêu trên. Do đó, nếu khoản thuế hoãn lại này được hoàn nhập trong năm nay thì chỉ tiêu "Tài sản thuế thu nhập hoãn lại" (Mã số 262) và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31/12/2016 sẽ giảm đi tương ứng mỗi chỉ tiêu là 6,49 tỷ đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2016, chỉ tiêu "Chi phí thuế TNDN hoãn lại" (Mã số 52) sẽ tăng lên và chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế" (Mã số 60) sẽ giảm đi một khoản tương ứng là 6,49 tỷ đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bê Tông Biên Hòa và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như được nêu tại mục 2.2 của thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, số lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2016 của Tập đoàn là 75,22 tỷ đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu là 27,46 tỷ đồng, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 109,77 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Tập đoàn có các khoản nợ vay ngân hàng và lãi vay đã quá hạn thanh toán đến ngày 31/12/2016 là 59,72 tỷ đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2016-026-1

Nguyễn Thị Hải Yến
Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
2843-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		79.575.654.175	56.719.572.918
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.081.580.791	1.458.198.684
1. Tiền	111		5.081.580.791	1.458.198.684
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.810.267.768	41.560.843.905
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	56.092.764.096	49.650.870.263
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.925.431.337	711.328.909
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	5.942.027.893	5.660.619.081
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(14.149.955.558)	(14.461.974.348)
III. Hàng tồn kho	140	5.5	24.571.140.044	13.523.406.557
1. Hàng tồn kho	141		24.678.272.510	13.901.653.029
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(107.132.466)	(378.246.472)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		112.665.572	177.123.772
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		112.665.572	177.123.772
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		83.910.625.487	87.135.142.506
I. Tài sản cố định	220		49.957.339.258	48.845.580.255
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	49.957.339.258	48.845.580.255
Nguyên giá	222		102.028.729.157	97.435.279.097
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.071.389.899)	(48.589.698.842)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	179.925.531
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	179.925.531
III. Tài sản dài hạn khác	260		33.953.286.229	38.109.636.720
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	20.808.075.973	20.353.303.384
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.8	13.145.210.256	17.756.333.336
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		163.486.279.662	143.854.715.424

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		190.946.132.317	167.156.889.132
I. Nợ ngắn hạn	310		189.349.532.317	165.340.289.132
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	90.801.722.104	71.792.546.953
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	6.910.710.158	1.808.380.615
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	6.378.759.428	9.027.192.839
4. Phải trả người lao động	314	5.12	2.336.277.806	1.811.818.496
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	21.945.703.416	17.292.343.763
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	1.660.003.110	2.110.344.897
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	59.315.733.482	61.497.038.756
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		622.813	622.813
II. Nợ dài hạn	330		1.596.600.000	1.816.600.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	1.596.600.000	1.816.600.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(27.459.852.655)	(23.302.173.708)
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16.1	(27.459.852.655)	(23.302.173.708)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.16.2	45.000.000.000	45.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.000.000.000	45.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.609.818.000	1.609.818.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.148.578.509	1.652.254.535
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.403.435	990.996.407
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(75.223.652.599)	(72.555.242.650)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(72.555.242.650)	(65.385.529.789)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.668.409.949)	(7.169.712.861)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		163.486.279.662	143.854.715.424



Trần Chí Hiếu
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Trần Văn Phúc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	232.154.069.088	167.184.667.953
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		232.154.069.088	167.184.667.953
3. Giá vốn hàng bán	11	6.2	204.379.905.104	141.037.865.173
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.774.163.984	26.146.802.780
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		21.846.601	39.618.779
6. Chi phí tài chính	22	6.3	7.125.643.857	7.252.802.396
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		7.090.153.034	6.843.859.788
7. Chi phí bán hàng	25	6.4	4.445.535.031	11.758.369.396
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	14.334.123.904	13.887.968.862
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.890.707.793	(6.712.719.095)
10. Thu nhập khác	31		196.646.308	1.120.541.514
11. Chi phí khác	32		144.640.970	1.490.795.482
12. Lợi nhuận khác	40		52.005.338	(370.253.968)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.942.713.131	(7.082.973.063)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	86.739.798
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.7	4.611.123.080	
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.668.409.949)	(7.169.712.861)
17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(2.668.409.949)	(7.169.712.861)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.16.4	(593)	(1.593)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.16.4	(593)	(1.593)



Trần Chí Hiếu
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Trần Văn Phúc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.942.713.131	(7.082.973.063)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6.6	4.243.124.504	3.743.734.494
Các khoản dự phòng	03		(583.132.796)	(331.727.125)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(58.176.178)	(1.028.197.109)
Chi phí lãi vay	06	6.3	7.090.153.034	6.843.859.788
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		12.634.681.695	2.144.696.985
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.821.314.567)	(6.718.125.606)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11.107.549.710)	5.419.760.579
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		18.304.518.301	(1.629.396.775)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(357.814.389)	892.981.238
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.927.037.386)	(1.854.355.307)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.11	(237.453.994)	(152.943.662)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.488.029.950	(1.897.382.548)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.528.472.597)	(3.785.188.255)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		43.700.000	1.020.745.455
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.430.028	7.451.654
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.463.342.569)	(2.756.991.146)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	52.700.058.387	90.571.900.274
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(55.101.363.661)	(87.134.100.298)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.401.305.274)	3.437.799.976
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		3.623.382.107	(1.216.573.718)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.458.198.684	2.674.772.402
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	5.081.580.791	1.458.198.684



Trần Chí Hiếu
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Trần Văn Phúc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Đường Số 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bê Tông Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600448180 ngày 07 tháng 05 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 27 tháng 05 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 45 tỷ đồng, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty xây dựng số 1 – TNHH Một thành viên	Việt Nam	18.412.820.000	40,92%	18.412.820.000	40,92%
Vốn góp của các đối tượng khác	Việt Nam	26.587.180.000	59,08%	26.587.180.000	59,08%
Cộng		45.000.000.000	100,00%	45.000.000.000	100,00%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty gọi chung là Tập đoàn).

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 256 (31/12/2015: 281).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất cấu kiện bê tông và bê tông thương phẩm;
- Sản xuất cấu kiện kim loại phục vụ xây dựng;
- Xây dựng công trình công nghiệp, nhà ở;
- Kinh doanh nhà.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Một Thành Viên An Hòa – BCC	Khu công nghiệp Nhứt Chánh, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Giả định về tính hoạt động liên tục

Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 75,22 tỷ đồng vốn điều lệ là 27,46 tỷ đồng, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 109,77 tỷ đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn phụ thuộc hoạt động kinh doanh có lãi, việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư trong tương lai và gia hạn các khoản vay đến hạn từ ngân hàng. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn tin rằng các chủ đầu tư và ngân hàng sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động cũng như gia hạn nợ cho Tập đoàn trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Tập đoàn tiếp tục hoạt động liên tục.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Ngoại tệ

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng Ngoại thương – Chi nhánh Biên Hòa;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ/ tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.4. Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2016</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 50 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 - 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	10 năm

4.7. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.8. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê là 49 năm;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

4.12. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Tập đoàn đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tắt toán trong năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.14. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

4.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

4.17. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm chi phí vận chuyển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

4.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế là 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

4.19. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	43.186.758	217.869.611
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.038.394.033	1.240.329.073
Cộng	5.081.580.791	1.458.198.684

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Đường Số 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Công ty TNHH TM DV Xây Dựng Khang Thịnh Đạt	5.550.958.475	2.041.684.036
Công ty CP Đầu tư Xây dựng HUD 102	3.932.001.000	3.932.001.000
Công ty CP Xây dựng 14-9	3.902.152.028	3.896.752.028
Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Sài Gòn	2.385.670.000	2.385.670.000
Công ty TNHH Xây Dựng Tầm Cao Việt	1.597.286.499	3.677.286.499
Công ty CP ACC Phát Triển Công Nghệ	1.076.918.300	1.992.026.690
Các khách hàng khác	37.216.086.256	30.894.286.770
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – xem thêm mục 9	431.691.538	831.163.240
Cộng	56.092.764.096	49.650.870.263

Các khoản nợ phải thu khách hàng với số tiền 7,5 tỷ đồng duy trì mọi thời điểm được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng - Xem thêm mục 5.15.

5.3. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu Ông Nguyễn Minh Huy	2.309.525.676	1.933.049.661	2.325.770.593	1.941.049.661
Phải thu người lao động	1.845.826.680	-	2.538.841.122	-
Ký cược, ký quỹ	153.903.560	-	199.194.468	-
Các đối tượng khác	.632.771.977	2.100.000	596.812.898	2.100.000
Cộng	5.942.027.893	1.935.149.661	5.660.619.081	1.943.149.661

5.4. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	22.913.431.365	8.763.475.807	23.216.031.365	8.754.057.017
Cộng	22.913.431.365	8.763.475.807	23.216.031.365	8.754.057.017

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường Số 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

Tại ngày 31/12/2016
VND

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:						
Công ty CP Xây dựng 14-9	3.902.152.028	2.731.506.420	Trên 3 năm	3.896.752.028	2.727.726.420	Trên 3 năm
Công ty TNHH Đầu Tư BĐS Sài Gòn	754.410.657	-	Trên 3 năm	2.385.670.000	1.669.969.000	Trên 3 năm
Công ty CP ACC Phát Triển Công Nghệ	2.385.670.000	1.669.969.000	Từ 2 - 3 năm	1.992.026.690	1.992.026.690	Từ 1 - 2 năm
Công ty TNHH Xây Dựng Liên Thạch	1.992.026.690	1.992.026.690	Trên 3 năm	923.459.280	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Kinh Bằng	923.459.280	-	Trên 3 năm	754.410.657	-	Trên 3 năm
Các công ty khác	10.447.895.449	1.800.306.097	Trên 3 năm	10.747.895.449	1.794.667.307	Trên 3 năm
Cộng	20.405.614.104	8.193.808.207		20.700.214.104	8.184.389.417	

Tại ngày 01/01/2016
VND

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Phải thu ngắn hạn khác:						
Ông Nguyễn Minh Huy	2.317.770.593	381.720.932	Trên 3 năm	2.325.770.593	384.720.932	Từ 2 - 3 năm
Đối tượng khác	190.046.668	187.946.668	Trên 3 năm	190.046.668	184.946.668	Trên 3 năm
Cộng	2.507.817.261	569.667.600		2.515.817.261	569.667.600	
Tổng cộng	22.913.431.365	8.763.475.807		23.216.031.365	8.754.057.017	

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Đường Số 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.902.636.927	-	4.743.127.285	-
Công cụ, dụng cụ	747.327.685	-	283.241.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	225.619.073	-	685.604.024	-
Thành phẩm	12.253.083.359	107.132.466	8.017.309.256	378.246.472
Hàng hóa	2.539.094.232	-	38.707.455	-
Hàng gửi bán	10.511.234	-	133.664.009	-
Cộng	24.678.272.510	107.132.466	13.901.653.029	378.246.472

Theo hợp đồng thế chấp các khoản vay tại Ngân hàng VID Public Bank, Tập đoàn phải duy trì giá trị hàng tồn kho của công ty mẹ tại mọi thời điểm là 8 tỷ đồng – Xem thêm mục 5.15.

5.6. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Quyền sử dụng đất (*)	19.188.801.204	19.638.628.865
Công cụ dụng cụ	1.268.105.799	366.343.677
Chi phí trả trước khác	351.168.970	348.330.843
Cộng	20.808.075.973	20.353.303.384

(*) Là quyền sử dụng đất có thời hạn tại khu công nghiệp Nhứt Chánh, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An với thời hạn 49 năm được dùng thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng VID – CN Bình Dương – Xem thêm mục 5.15.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường Số 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2016	28.554.378.994	56.546.086.966	11.218.173.340	179.542.400	639.097.397	97.435.279.097
Mua trong năm	-	359.181.818	-	-	-	359.181.818
Đầu tư XDCB hoàn thành	161.335.583	4.796.319.956	-	-	-	4.957.655.539
Thanh lý, nhượng bán	-	(470.817.190)	(222.027.707)	(30.542.400)	-	(723.387.297)
Tại ngày 31/12/2016	29.013.714.577	61.230.771.550	10.996.145.633	149.000.000	639.097.397	102.028.729.157
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2016	10.019.650.814	29.666.109.174	8.473.235.095	101.743.455	328.960.304	48.589.698.842
Khấu hao trong năm	760.099.756	2.530.055.008	896.676.352	3.396.150	52.897.238	4.243.124.504
Thanh lý, nhượng bán	-	(515.817.190)	(222.027.707)	(23.588.550)	-	(761.433.447)
Tại ngày 31/12/2016	10.779.750.570	31.680.346.992	9.147.883.740	81.551.055	381.857.542	52.071.389.899
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2016	18.832.728.180	26.879.977.792	2.744.938.245	77.798.945	310.137.093	48.845.580.255
Tại ngày 31/12/2016	18.233.964.007	29.550.424.558	1.848.261.893	67.448.945	257.239.855	49.957.339.258

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 101.470.999.159 đồng – Xem thêm mục 5.15;

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 16.805.421.275 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Đường Số 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.8. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Là tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng, chi tiết như sau:

	Số dư tài sản thuế hoãn lại VND	Thời hạn chuyển lỗ
Năm 2012	6.492.697.833	Năm 2017
Năm 2013	2.531.224.200	Năm 2018
Năm 2014	4.121.288.223	Năm 2019
Cộng	<u>13.145.210.256</u>	

Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính, Tập đoàn chưa có bằng chứng chắc chắn về việc sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để bù đắp các khoản lỗ tính thuế phát sinh từ các năm trước đến năm tài chính này, do vậy, Công ty không tính và trình bày tài sản thuế hoãn lại và chi phí thuế hoãn lại trong năm 2016.

5.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán				
Công ty TNHH Thương mại Phương Nga	5.132.800.662	5.132.800.662	5.421.346.862	5.421.346.862
Công ty TNHH Thành Lợi	13.175.030.032	13.175.030.032	13.175.030.032	13.175.030.032
Phải trả cho các đối tượng khác	62.463.979.198	62.463.979.198	43.184.246.422	43.184.246.422
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 9	10.029.912.212	10.029.912.212	10.011.923.637	10.011.923.637
Cộng	<u>90.801.722.104</u>	<u>90.801.722.104</u>	<u>71.792.546.953</u>	<u>71.792.546.953</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Đường Số 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Công Trình 875	145.225.000	145.225.000	145.225.000	145.225.000
Công ty CP Xây Lắp Sonacons	340.055.800	340.055.800	840.055.800	840.055.800
Công ty CP Đầu tư Xây Dựng Tecco Trường Lộc	2.869.380.000	2.869.380.000	-	-
Các đối tượng khác	3.235.639.716	3.235.639.716	653.123.398	653.123.398
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 9	320.409.642	320.409.642	169.976.417	169.976.417
Cộng	6.910.710.158	6.910.710.158	1.808.380.615	1.808.380.615

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	Tại ngày 31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	5.134.658.247	14.196.631.962	17.944.619.700	1.386.670.509
Thuế thu nhập doanh nghiệp	563.850.910	-	237.453.994	326.396.916
Thuế thu nhập cá nhân	202.015.018	-	260.906.710	56.227.191
Thuế khác	3.126.668.664	115.118.883	10.144.571	4.609.464.812
Cộng	9.027.192.839	15.804.691.564	18.453.124.975	6.378.759.428

5.12. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 12 và thưởng năm 2016 còn phải trả cho người lao động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Đường Số 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Chi phí vận chuyển	202.428.424	794.760.080
Lãi vay	21.209.819.490	16.046.703.841
Các khoản trích trước khác	533.455.502	450.879.842
Cộng	21.945.703.416	17.292.343.763

5.14. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	818.965.871	443.792.792
Cổ tức phải trả	645.714.580	645.714.580
Phải trả khác	195.322.659	1.020.837.525
Cộng	1.660.003.110	2.110.344.897

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường Số 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.15. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016		Trong năm		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn:						
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Biên Hòa	18.495.984.122	18.495.984.122	47.931.398.414	49.384.678.448	19.996.264.156	19.996.264.156
Ngân hàng VID Public Bank	1.101.749.360	1.101.749.360	3.488.659.973	3.933.685.213	1.546.774.600	1.546.774.600
Ngân hàng VID Public Bank – Chi nhánh Bình Dương	8.680.000.000	-	-	-	8.680.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	30.858.000.000	1.068.000.000	-	416.000.000	31.274.000.000	564.000.000
Vay cá nhân	180.000.000	180.000.000	180.000.000	-	-	-
Cộng	59.315.733.482	20.845.733.482	51.600.058.387	53.734.363.661	61.497.038.756	22.107.038.756
Dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Biên Hòa	2.664.600.000	2.664.600.000	1.100.000.000	816.000.000	2.380.600.000	2.380.600.000
Vay dài hạn ngân hàng VID – CN Bình Dương	29.790.000.000	-	-	920.000.000	30.710.000.000	-
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	(30.858.000.000)	(1.068.000.000)	-	(416.000.000)	(31.274.000.000)	(564.000.000)
Cộng	1.596.600.000	1.596.600.000	1.100.000.000	1.320.000.000	1.816.600.000	1.816.600.000
Tổng cộng	60.912.333.482	22.442.333.482	52.700.058.387	55.054.363.661	63.313.638.756	23.923.638.756

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường Số 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn chịu lãi suất từ 7,5%/năm đối với VND và các khoản vay ngân hàng dài hạn với thời hạn 5 năm và chịu lãi suất từ 10,4%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Các khoản nợ phải thu với số tiền 7,5 tỷ đồng được duy trì mọi thời điểm - Xem thêm mục 5.2;
- Giá trị hàng tồn kho duy trì tại mọi thời điểm với số tiền là 8 tỷ đồng - Xem thêm mục 5.5;
- Quyền sử dụng đất của công ty con tại Khu công nghiệp Nhứt Chánh, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An – Xem thêm mục 5.6;
- Toàn bộ nhà xưởng, công trình xây dựng trên đất tại đường Số 1A, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, máy móc, phương tiện vận tải với nguyên giá là 36.775.457.605 đồng và toàn bộ tài sản cố định của công ty con với nguyên giá là 39.195.610.749 đồng - Xem thêm mục 5.7.

Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
Vay ngắn hạn	8.680.000.000	5.103.079.988	8.680.000.000	3.862.765.303
Vay dài hạn	29.790.000.000	16.155.630.596	26.388.000.000	12.165.332.536
Cộng	38.470.000.000	21.258.710.584	35.068.000.000	16.028.097.839

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường Số 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.16. Vốn chủ sở hữu****5.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2015	45.000.000.000	1.609.818.000	1.652.254.535	990.996.407	(65.385.529.789)	(16.132.460.847)
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(7.169.712.861)	(7.169.712.861)
Tại ngày 01/01/2016	45.000.000.000	1.609.818.000	1.652.254.535	990.996.407	(72.555.242.650)	(23.302.173.708)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(2.668.409.949)	(2.668.409.949)
Sử dụng quỹ	-	-	(503.676.026)	(985.592.972)	-	(1.489.268.998)
Tại ngày 31/12/2016	45.000.000.000	1.609.818.000	1.148.578.509	5.403.435	(75.223.652.599)	(27.459.852.655)

Trong năm, Tập đoàn đã sử dụng quỹ đầu tư phát triển và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu để bù đắp khoản chi phí phạt chậm nộp thuế với số tiền là 1.489.268.998 đồng theo quyết định của Hội đồng quản trị. Công ty sẽ trình Đại hội cổ đông trong năm 2017 về việc sử dụng các quỹ này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA
VÀ CÔNG TY CON**Địa chỉ: Đường Số 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tổng công ty xây dựng số 1 – TNHH Một thành viên	18.412.820.000	18.412.820.000
Vốn góp của các đối tượng khác	26.587.180.000	26.587.180.000
Cộng	45.000.000.000	45.000.000.000

5.16.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.500.000	4.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.16.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.668.409.949)	(7.169.712.861)
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	4.500.000	4.500.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	(593)	(1.593)

5.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Ngoại tệ các loại: USD	241,70	254,90
	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:	1.409.947.489	1.409.947.489

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Đường Số 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Doanh thu từ bán bê tông ly tâm	171.790.816.002	108.466.656.487
Doanh thu từ bán bê tông tươi	40.933.308.182	34.953.851.538
Doanh thu từ bán bê tông đúc sẵn	3.951.477.229	5.148.994.453
Doanh thu từ bán thành phẩm khác	13.793.420	13.599.548.472
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.464.674.255	5.015.617.003
Tổng cộng	<u>232.154.069.088</u>	<u>167.184.667.953</u>
Trong đó, doanh thu với các bên có liên quan – Xem thêm mục 9	594.055.725	24.933.062.569

6.2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	145.668.358.858	81.987.449.289
Giá vốn của hàng hóa đã bán	40.710.278.338	34.057.861.343
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.500.663.346	4.764.684.381
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.618.927.627	17.786.462.757
Giá vốn của thành phẩm đã bán	12.881.676.935	2.441.407.403
Cộng	<u>204.379.905.104</u>	<u>141.037.865.173</u>

6.3. Chi phí tài chính

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Lãi tiền vay	7.090.153.034	6.843.859.788
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	391.436.171
Lỗi chênh lệch tỷ giá	35.490.823	17.506.437
Cộng	<u>7.125.643.857</u>	<u>7.252.802.396</u>

6.4. Chi phí bán hàng

Chủ yếu là các chi phí vận chuyển hàng bán trong năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Đường Số 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.412.454.831	6.959.216.334
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	741.336.790	653.522.662
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.519.146.703	1.959.882.729
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.773.414.634	2.295.655.160
Chi phí bằng tiền khác	1.887.770.946	2.019.691.977
Cộng	14.334.123.904	13.887.968.862

6.6. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	154.543.628.320	70.094.013.260
Chi phí nhân công	29.374.262.620	13.025.713.110
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.243.124.504	3.743.734.494
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.655.108.047	19.619.753.353
Chi phí khác bằng tiền	2.000.834.359	2.019.691.977
Cộng	201.816.957.850	108.502.906.194

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Là hoàn nhập khoản thuế hoãn lại của khoản lỗ năm 2011 của Công ty mẹ do hết thời hạn chuyển lỗ.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1. Các khoản đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	52.700.058.387	90.571.900.274

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(55.101.363.661)	(87.134.100.298)

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo đánh giá của Tổng Giám đốc Tập đoàn, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Tập đoàn cung cấp. Cụ thể là Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh trong năm của Tập đoàn chủ yếu là từ bán các sản phẩm từ bê tông nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Đường Số 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Tập đoàn, những dữ liệu dưới đây trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu:

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	<u>TP.Hồ Chí Minh</u>		<u>Long An</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Doanh thu								
Từ khách hàng bên ngoài	114.613	121.918	117.542	45.267	-	-	232.154	167.185
Giữa các bộ phận	8.235	4.296	6.796	10.900	(15.031)	(15.196)	-	-
Tổng cộng	122.848	126.214	124.338	56.167	(15.031)	(15.196)	232.154	167.185
Tài sản của bộ phận	99.562	99.956	104.072	84.163	(40.148)	(40.264)	163.486	143.855
Chi phí mua sắm tài sản	(2.559)	(3.694)	(969)	(91)	-	-	(3.528)	(3.785)

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

Danh sách các bên liên quan

- Tổng công ty Xây Dựng Số 1 – TNHH Một Thành Viên
- HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Cổ đồng có ảnh hưởng đáng kể
Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2016</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khách hàng – xem thêm mục 5.2: Tổng công ty Xây Dựng Số 1 – TNHH Một Thành Viên	431.691.538	831.163.240

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Đường Số 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	<u>Tại ngày 31/12/2016 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016 VND</u>
Phải trả người bán – Xem thêm mục 5.9: Tổng công ty Xây Dựng Số 1 – TNHH Một Thành Viên	(10.029.912.212)	(10.011.923.637)
	<u>Tại ngày 31/12/2016 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016 VND</u>
Người mua ứng trước – Xem thêm mục 5.10: Tổng công ty Xây Dựng Số 1 – TNHH Một Thành Viên	(320.409.642)	(169.976.417)

Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	<u>Năm 2016 VND</u>	<u>Năm 2015 VND</u>
Bán hàng - Xem thêm mục 6.1 Tổng công ty Xây Dựng Số 1 – TNHH Một Thành Viên	594.055.725	24.933.062.569
	<u>Năm 2016 VND</u>	<u>Năm 2015 VND</u>
Mua hàng: Tổng công ty Xây Dựng Số 1 – TNHH Một Thành Viên	992.931.545	3.767.105.455
	<u>Năm 2016 VND</u>	<u>Năm 2015 VND</u>
Lãi chậm thanh toán Tổng công ty Xây Dựng Số 1 – TNHH Một Thành Viên	-	296.062.482

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá giá thỏa thuận do. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm 2016 VND</u>	<u>Năm 2015 VND</u>
Thù lao và thu nhập	456.687.265	439.545.434

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Đường Số 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HỢP ĐỒNG


Tập đoàn thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 1 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	<u>Năm 2016</u> VND	<u>Năm 2015</u> VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	281.166.175	273.570.435

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.




Trần Chí Hiếu
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 20 tháng 03 năm 2017


Trần Văn Phúc
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thanh Thủy
Người lập

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD

AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam

5th Floor, Sai Gon 3 Building
140 Nguyen Van Thu Street, Da Kao Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

T +848 3827 5026
F +848 3827 5027

Ha Noi Office
7th Floor, Lotus Building, 2 Duy Tan Street
Cau Giay District, Hanoi, Vietnam

T +844 3795 5353
F +844 3795 5252

Central Office
197 Le Dinh Ly Street, Hoa Thuan Tay Ward
Hai Chau District, Da Nang, Vietnam

T +84 511 363 3334
F +84 511 363 3334

